

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nạo vét
18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

ĐẾN Số: 3219
Ngày: 05/10

Chuyên: GT

phong ALXPET
- WP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ
trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về thông qua phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội
đồng nhân dân tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 508/TTr-SNN ngày 22 tháng 9 năm 2020 (kèm theo Báo cáo số
757/BC-SKHĐT ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu
tư).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi
phục vụ sản xuất, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Dự án hoàn thành góp phần dẫn nước ngọt trực tiếp từ thượng nguồn về
cung cấp cho các vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp của tỉnh như: Càng
Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và thị xã Duyên Hải.

- Chủ động phòng chống hạn, xâm nhập mặn do ảnh hưởng bất thường
của thời tiết; trữ nước ngọt vào mùa khô để phục vụ sản xuất, thích ứng với biến
đổi khí hậu. Tăng cường năng lực tưới tiêu đáp ứng nhu cầu nước phục vụ cho
đất sản xuất nông nghiệp.

4. Quy mô đầu tư: Nạo vét 18 kênh, chiều dài = 162,11km.

STT	HẠNG MỤC KÊNH	QUY MÔ THIẾT KẾ				
		Chiều dài (km)	Bđáy (m)	Cao trình đáy (m)	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Kênh Ô Chát - Kênh Ngang	13,50	20,0	-3,50	Sông Láng Thè	Kênh Thống Nhất
2	Kênh Tân An	8,68	12,0	-3,50	Kênh 3/2	Kênh Huyền Hội
3	Kênh Đa Hòa	9,31	5,0	-3,00	Rạch Kinh 1&2	Kênh Nhà Thờ
4	Kênh Thị Gòn - Lạc Sơn	14,50	8,0	-3,00	Kênh 3/2	Cống Lạc Hòa
5	Kênh Tân Lập	8,40	8,0	-3,00	Cống Tân Lập	Rạch Trà Côn
6	Kênh Ngay	5,42	8,0	-3,00	Cầu 30/4	Kênh La Ban
7	Kênh Nhà Thờ	9,10	6,0	-3,00	Kênh Trà Vinh	Rạch Chà Và
8	Kênh Bàng Đa	7,58	6,0	-3,00	Kênh Trà Vinh	Kênh Xáng Ô Thum
9	Kênh Cá Nguyệt	4,48	6,0	-3,00	Rạch Ô Chích	Sông Láng Thè
10	Kênh Song Lộc	12,30	6,0	-3,00	Kênh Ô Chát	Kênh Cây Ôi
11	Kênh Bà Trâm	2,50	6,0	-3,00	Cống Bà Trâm	Kênh Truyền 2
12	Kênh Đại An	8,30	8,0	-3,00	Cống Đại An	Cống Đôn Châu
13	Kênh Vàm Buôn (Kênh Thạch Ngọc Biên)	15,90	6,0	-3,00	Cống Vàm Buôn	Kênh 3/2
14	Kênh Te Te	10,30	10,0	-3,50	Kênh Tân Hùng - Núi Bắc Trang	Rạch Trà Mềm
15	Kênh Trẹm	8,94	8,0	-3,00	Cống Trẹm Lớn	Kênh Bắc Trang
16	Kênh Cầu Tre	5,90	6,0	-3,00	Kênh T4-2	Sông Càn Chông
17	Kênh Chánh Sâm	7,57	6,0	-3,00	Kênh Mỹ Văn	Sông Càn Chông
18	Kênh Trinh Phụ	9,43	6,0	-3,00	Kênh Mỹ Văn	Sông Càn Chông

5. Nhóm dự án: Nhóm B.

6. Tổng mức đầu tư dự án: 387.300.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi bảy tỷ, ba trăm triệu đồng).

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 349.000.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 38.300.000.000 đồng.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Các huyện: Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

9. Thời gian thực hiện dự án: 2021-2024 (năm 2020 chuẩn bị đầu tư).

10. Hình thức đầu tư dự án: Xây dựng mới.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm triển khai quản lý, thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả và thực hiện đầy đủ các hồ sơ thủ tục, trình tự đầu tư theo quy định; phối hợp với địa phương đảm bảo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đúng theo tiến độ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 04

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hoàng